



Name: .....

Class: 3A....

**PHIẾU GIAO BÀI TIẾNG ANH (14 - 18/03/2022)**

| Thời gian        | Nội dung học: Unit 7 - Reading (trang 110)                                                                                                                                                                                                                |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Thứ 2<br>(14/03) | <p>1) Nghe và đọc truyện “Youth Music News” trang 110 – sách Student book.</p>  <p>2) Tìm và gạch chân các từ chỉ nhạc cụ và các tính từ (adjectives) trong truyện.</p> |
| Thứ 3<br>(15/03) | <p>1) Nghe và đọc truyện “Youth Music News” trang 110 – sách Student book.</p>  <p>2) Làm trang 96 sách Workbook.</p>                                                   |

Thứ 4  
(16/03)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)

Con mở audio bên cạnh để nghe bài.

| adjectives | comparative               | superlative                |
|------------|---------------------------|----------------------------|
| 1) long    | longer than               | the longest                |
| 2) loud    | louder than               | the loudest                |
| 3) scary   | scari <del>e</del> r than | the scari <del>e</del> est |
| 4) angry   | angri <del>e</del> r than | the angri <del>e</del> est |
| 5) big     | bigger than               | the biggest                |
| 6) thin    | thinner than              | the thinnest               |
| 7) bad     | worse than                | the worst                  |
| 8) good    | better than               | the best                   |

2) Con làm phiếu số 1, 2 trên <https://www.liveworksheets.com/workbooks/>

Thứ 5  
(17/03)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)

Con mở audio bên cạnh để nghe bài.

| adjectives | comparative               | superlative                |
|------------|---------------------------|----------------------------|
| 1) long    | longer than               | the longest                |
| 2) loud    | louder than               | the loudest                |
| 3) scary   | scari <del>e</del> r than | the scari <del>e</del> est |
| 4) angry   | angri <del>e</del> r than | the angri <del>e</del> est |
| 5) big     | bigger than               | the biggest                |
| 6) thin    | thinner than              | the thinnest               |
| 7) bad     | worse than                | the worst                  |
| 8) good    | better than               | the best                   |

2) Con làm phiếu số 3 trên <https://www.liveworksheets.com/workbooks/>

Thứ 6  
(18/03)

1) Nghe, chỉ tay vào đúng từ và đọc theo (2 lần)

Con mở **audio** bên cạnh để nghe bài.

| adjectives | comparative               | superlative                |
|------------|---------------------------|----------------------------|
| 1) long    | longer than               | the longest                |
| 2) loud    | louder than               | the loudest                |
| 3) scary   | scari <del>e</del> r than | the scari <del>e</del> est |
| 4) angry   | angri <del>e</del> r than | the angri <del>e</del> est |
| 5) big     | bigger than               | the biggest                |
| 6) thin    | thinner than              | the thinn <del>e</del> est |
| 7) bad     | worse than                | the worst                  |
| 8) good    | better than               | the best                   |

2) Con làm phiếu số 4, 5 trên <https://www.liveworksheets.com/workbooks/>

~ THE END ~